

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2021 tại các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Văn bản số 3741/BTC-TCDN ngày 26/4/2022 của Bộ Tài chính về việc báo cáo giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2021;

Trên cơ sở các báo cáo về tình hình tài chính doanh nghiệp, kết quả giám sát tài chính năm 2021 của chủ sở hữu vốn nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước (đã được Sở Tài chính thẩm tra), Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo một số nội dung liên quan như sau:

1. Kết quả giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2021 đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và trên 50% vốn điều lệ.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1601/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về việc phê duyệt kết quả giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2021 đối với 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Có sao gửi kèm theo Văn bản này).

b) Hồ sơ biểu mẫu gửi kèm theo, gồm:

- Báo cáo giám sát tài chính năm 2021 cho từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo **Biểu số 01** và **Biểu số 03**;

- Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo **Biểu số 05.A**.

2. Kết quả giám sát tài chính năm 2021 đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 2738/UBND-TH ngày 23/5/2022 về kết quả giám sát tài chính năm 2021 đối với 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ (Có sao gửi kèm theo Văn bản này).

b) Hồ sơ đánh giá xếp loại gửi kèm theo, gồm:

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính năm 2021 cho từng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và không quá 50% vốn điều lệ theo **Biểu số 03**;

- Báo cáo tổng hợp kết quả giám sát tài chính năm 2021 của các doanh nghiệp theo **Biểu số 03.A**.

3. Về công khai thông tin về tình hình đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Theo các biểu mẫu gửi kèm, gồm: Công khai tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp (**Biểu số 06.A**); tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (**Biểu số 06.B và Biểu số 06.C**).

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã có Văn bản chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện công khai thông tin của cơ quan đại diện chủ sở hữu về kết quả xếp loại doanh nghiệp đã được phê duyệt (**Biểu số 05.A**) và công khai tình hình đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào doanh nghiệp (**các Biểu số 06.A, 06.B và 06.C**) đảm bảo nội dung và thời gian quy định.

Trên đây là kết quả giám sát tài chính năm 2021 đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục TCDN – BTC (để báo cáo);
- CT, PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẪM GIỮ
TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ KHÔNG QUÁ 50% VỐN ĐIỀU LỆ**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

[Năm [Kỳ] Báo cáo: 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư	Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Lỗ lũy kế (nếu có)	Số phát sinh phải nộp NSNN trong năm	Số cổ tức nộp NSNN trong năm (số phát sinh)	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	124.108	51%	229.958	26.915	0	19.032	3.798	21,69%	0,79	1,31	
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	34.271	51%	120.213	6.084	0	10.371	2.056	14,60%	2,04	0,21	
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	15.171	51%	134.909	4.754	0	9.089	607	27,57%	1,22	0,16	
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	123.926	25%	137.898	17.442	0	34.865	2.479	8,38%	5,33	0,17	
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	576.124	13,34%	1.566.694	189.124	0	85.760	6.981	17,00%	3,30	0,37	

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ*(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)***[Năm [Kỳ] Báo cáo: 2021***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên doanh nghiệp	Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Số phải nộp ngân sách	Có dấu hiệu Mất an toàn về tài chính	Ghi chú
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	64.570	7.733	900	không	
2	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	320.956	17.289	124.816	không	
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	21.398	1.403	23.195	không	
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	46.058	8.542	5.630	không	
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	37.250	4.073	2.617	không	

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên doanh nghiệp	Chỉ tiêu 1 (tr.đồng)			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3			Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN		
		Tổng doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn						Nợ quá hạn (tr.đ)	Xếp loại
		KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (tr.đ)	Nợ NH (tr.đ)	Tỷ lệ (lần)					
I	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ																		
1	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	61.737	64.570	A								28.092	17.704	1,59	0	A	A	A	
2	Công ty TNHH Xô số kiến thiết Bình Định	302.183	320.956	A	11.620	17.289	74.500	74.500	15,60	23,21	A	145.863	74.445	1,96	0	A	A	A	
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	20.814	21.398	A	1.155	1.403	46.878	47.031	2,46	2,98	A	48.558	6.972	6,96	0	A	A	A	
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	41.200	46.058	A	5.740	8.542	41.248	42.516	13,92	20,09	A	54.951	23.145	2,37	0	A	A	A	
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	36.792	37.250	A	3.976	4.073	46.291	46.291	8,59	8,80	A	70.590	27.862	2,53	0	A	A	A	
II	Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ																		
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	222.700	229.958	A	20.720	26.915	124.108	124.108	16,70	21,69	A	67.824	85.797	0,79	0	B	A	A	
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	118.571	120.213	A	5.576	6.084	34.271	34.271	16,27	17,75	A	78.525	38.475	2,04	0	A	A	A	
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	134.515	134.909	A	4.720	4.754	15.171	15.171	31,11	31,34	A	61.492	50.341	1,22	0	A	A	A	

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Tổng vốn NN đầu tư	Vốn điều lệ của DN	Nguồn vốn Nhà nước đầu tư vào DN						Tình hình đầu tư vốn Nhà nước		
				NSTW	NSDP	Quỹ HTSX và PTDN	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ HTSXDN tại DN	Khác	Đầu tư trong năm 2021	Đầu tư lũy kế	Còn phải đầu tư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Tình hình đầu tư vốn Nhà nước để thành lập DNNN											
II	Tình hình bổ sung vốn điều lệ đối với DNNN đang hoạt động											
1	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	22.915	42.225	0	0	0	1.408	0	0	1.408	22.915	-
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	19.609	46.828	0	0	0	836	0	0	836	19.609	-
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	11.123	47.850	0	0	0	250	0	0	250	10.491	632
III	Tình hình đầu tư vốn Nhà nước để mua lại toàn bộ doanh nghiệp											
	TỔNG CỘNG	53.647	136.903	0	0	0	2.494	0	0	2.494	53.015	632

* **Ghi chú:** Phần vốn điều lệ còn phải đầu tư (cột số 13) của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn sẽ được cân đối bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận của năm 2022.

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Nợ phải trả				Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của NN (%)	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi	Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 + Mã 338 CĐKT)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
I	Công ty TNHH do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		5.266.919	348.054	164.416	72.256	16.766	4.918.865	31.717	3.032	163.528	150.129	13.399	33.681	4.208.266	5.101.717		
1	Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định	Kinh doanh xổ số và các dịch vụ vui chơi có thưởng	148.945	145.863	3.562	72.256	0	3.082	12.313	0	74.445	74.445	0	0	74.500	74.500	100	100
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	Trồng và chăm sóc rừng...	67.020	54.951	45.276	0	3.993	12.069	6.271	0	23.145	23.145	0	0	40.817	42.225	100	100
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	Trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng...	62.567	48.558	44.737	0	6.228	14.009	3.353	0	11.472	6.973	4.499	5.431	46.968	47.219	100	100
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	Trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng...	80.094	70.590	69.760	0	6.545	9.504	296	0	36.762	27.862	8.900	28.250	45.992	47.184	100	100
5	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	Quản lý, khai thác, bảo vệ các CTTL....	4.908.293	28.092	1.081	0	0	4.880.201	9.484	3.032	17.704	17.704	0	0	3.999.989	4.890.589	100	100
II	Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và dưới 50% vốn điều lệ		2.848.271	1.344.789	366.571	139.201	140.101	1.503.482	581.167	64.718	787.148	496.984	290.164	199.922	1.388.021	1.555.935		
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	Sản xuất và kinh doanh nước sạch....	416.969	67.824	13.972	0	0	349.145	15.430	319	236.136	85.797	150.339	95.766	145.029	152.491	51	51
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt....	266.417	78.525	2.262	0	0	187.892	30.010	23	46.150	38.475	7.675	7.127	46.417	41.658	51	51
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	Quản lý công viên cây xanh, khu vực công cộng, hệ thống chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông	361.856	61.492	5.692	0	0	300.364	44.486	1.140	50.489	50.342	147	0	22.029	21.999	51	51
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	Sản xuất công nghiệp; khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản	243.511	188.751	90.561	0	0	54.760	12.332	0	35.404	35.404	0	0	202.217	208.107	25	25

TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Tổng tài sản								Tổng nguồn vốn							
			Tổng số (Mã 270 CĐKT)	Trong đó:							Nợ phải trả				Vốn chủ sở hữu (Mã 410 CĐKT)		Tỷ lệ sở hữu của NN (%)	
				Tài sản ngắn hạn (Mã 100 CĐKT)	Hàng tồn kho (Mã 140 CĐKT)	Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã 120 CĐKT)	Đầu tư tài chính dài hạn (Mã 250 CĐKT)	Tài sản dài hạn (Mã 200 CĐKT)	Nợ phải thu (Mã 130 + Mã 210 CĐKT)	Nợ phải thu khó đòi	Tổng số (Mã 300 CĐKT)	Nợ phải trả ngắn hạn (Mã 310 CĐKT)	Nợ phải trả dài hạn (Mã 330 CĐKT)	Nợ vay (vay ngắn hạn và dài hạn) (Mã 320 + Mã 338 CĐKT)	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
5	Công ty cổ phần Dược Trang thiết bị y tế Bình Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế	1.559.518	948.197	254.084	139.201	140.101	611.321	478.909	63.236	418.969	286.966	132.003	97.029	972.329	1.131.680	13,34	13,34
Tổng			8.115.190	1.692.843	530.987	211.457	156.867	6.422.347	612.884	67.750	950.676	647.113	303.563	233.603	5.596.287	6.657.652		

CÔNG KHAI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /5/2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu (Mã 10 + 21 + 31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSNN (Mã 313 CĐKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Lỗ phát sinh	Lỗ lũy kế	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
														Năm 2020	Năm 2021
I	Công ty TNHH do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		526.211	504.401	67.256	54.642	0	0	45.552	18.206	136.521	161.736		0	0
1	Công ty TNHH Xô số kiến thiết Bình Định	Kinh doanh xổ số và các dịch vụ vui chơi có thưởng	372.954	334.790	44.708	35.456	0	0	43.365	16.869	122.503	151.315		0	0
2	Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	Trồng và chăm sóc rừng,...	47.281	46.059	9.802	4.926	0	0	1.257	735	8.542	6.218		0	0
3	Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn	Trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng,...	16.251	21.399	1.157	1.581	0	0	29	166	317	136		0	0
4	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	Trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng,...	38.735	37.250	5.383	4.810	0	0	307	76	4.073	2.932		0	0
5	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	Quản lý, khai thác, bảo vệ các CTTL,...	50.990	64.903	6.206	7.869	0	0	594	360	1.086	1.135		0	0
II	Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và dưới 50% vốn điều lệ		1.965.764	2.186.474	256.858	299.972	0	0	28.224	19.817	145.495	166.551		0	0
1	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	Sản xuất và kinh doanh nước sạch,...	220.338	226.759	30.561	33.723	0	0	1.652	2.364	26.614	19.013		0	0
2	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	Vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt,...	118.477	120.213	6.893	7.083	0	0	467	0	11.732	11.145		0	0
3	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	Quản lý công viên cây xanh, khu vực công cộng, hệ thống chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông,...	131.944	134.910	5.871	5.960	0	0	3.120	368	8.194	6.257		0	0

TT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu (Mã 10 + 21 + 31 BCKQHĐKD)		Lợi nhuận trước thuế (Mã 50 BCKQHĐKD)		Lỗ		Phải nộp NSNN (Mã 313 CĐKT)		Đã nộp NSNN		Đầu tư ngoài ngành		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Lỗ phát sinh	Lỗ lũy kế	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Lĩnh vực	Tổng giá trị khoản đầu tư	
														Năm 2020	Năm 2021
4	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	Sản xuất công nghiệp; khai thác chế biến và tiêu thụ các loại khoáng sản	227.428	137.898	20.342	20.758	0	0	4.509	1.638	40.186	39.374			
5	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế	1.267.577	1.566.694	193.191	232.448	0	0	18.476	15.447	58.769	90.762			
Tổng			2.491.975	2.690.875	324.114	354.614	0	0	73.776	38.023	282.016	328.287		0	0